

Số: 66924/CT-HTT
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Vụ Hợp tác Quốc tế).
(Đ/c: Số 2 Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP Hà Nội - MST: 0103301337)

Trả lời công văn số 7538/BNN-HTQT đề ngày 14/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 8 Mục 1 Chương 2 Thông tư 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/01/2014) quy định như sau:

“Điều 8. Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, đại diện nhà tài trợ và nhà thầu chính thuộc diện được hoàn thuế GTGT

1. Thủ tục đăng ký thuế và cấp mã số thuế của Chủ dự án ODA, nhà tài trợ, nhà thầu chính thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hồ sơ hoàn thuế GTGT, thời hạn kê khai thuế GTGT đầu vào, tổ chức tiếp nhận hồ sơ và thực hiện hoàn thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi cho cơ quan thuế, nhà thầu chính phải ghi rõ tên dự án ODA, tên Chủ dự án ODA và địa chỉ liên lạc của Chủ dự án ODA theo đường bưu điện.

....”

- Căn cứ Khoản 6 Điều 18 Mục 2 Chương III Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2014) quy định như sau:

“6. Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc

quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.

... ”

- Căn cứ Điều 50 Chương VII Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA như sau:

“Điều 50. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA

1. Đối với Chủ dự án và Nhà thầu chính

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án; trường hợp dự án ODA có liên quan đến nhiều tỉnh thì hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp nơi chủ dự án đóng trụ sở chính.

Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay ưu đãi được ngân sách nhà nước cấp phát (bản chụp có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của dự án). Trường hợp hoàn thuế nhiều lần thì chỉ xuất trình lần đầu.

- Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng (bản chụp có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chỉ phải nộp tài liệu này với hồ sơ hoàn thuế lần đầu của dự án.

Trường hợp nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế thì ngoài những tài liệu nêu tại điểm này, còn phải có xác nhận của chủ dự án về việc dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán cho nhà thầu theo giá có thuế giá trị gia tăng; giá thanh toán theo kết quả thầu không có thuế giá trị gia tăng và đề nghị hoàn thuế cho nhà thầu chính.”

- Căn cứ Quyết định số 5619/QĐ-BNN-HTQT ngày 26/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật Vùng “Thực hiện Chương trình hỗ trợ nông nghiệp then chốt tiểu vùng GMS” TA 8163 – Tên dự án: Thực hiện Chương trình hỗ trợ nông nghiệp then chốt khu vực tiểu vùng sông Mê Công giai đoạn 2.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Vụ Hợp tác quốc tế (là Chủ dự án) ký Hợp đồng trách nhiệm số 04/HĐ-BQLDA ngày 10/4/2015 với Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp – Viện Chính sách và chiến lược Phát triển nông thôn (Nhà thầu chính) để thực hiện hoạt động “Nâng cao Vệ sinh An toàn Thực phẩm, Giá trị Gia tăng và Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ ở Việt Nam bằng hệ thống xác nhận nguồn gốc dựa trên công nghệ thông tin – Trường hợp ngành hàng Gà” - là một trong tám (08) hoạt động của dự án TA 8163 do ADB tài trợ thì:

- Trường hợp Hợp đồng đã ký với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án.

- Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư 181/2013/TT-BTC nêu trên. Tên và mã số thuế của tổ chức đề nghị hoàn trả tại mẫu 01/ĐNHT là tên và mã số thuế của Nhà thầu chính (Trung tâm Tư vấn Chính sách Nông nghiệp – Viện Chính sách và chiến lược Phát triển nông thôn).

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được biết và thực hiện./. *mm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra 5;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2). *(62)*



Mai Sơn